**Mẫu 1.6**

**MẪU KẾ HOẠCH NĂM VÀ BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ CỦA CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM**

*(Dùng cho Cơ sở hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải)*

**KẾ HOẠCH NĂM**

**VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

**[*Tên cơ sở*]** báo cáo kế hoạch năm [năm N]       Ngày lập báo cáo [../../…..]

Mã số ID: [*Ghi mã số do Hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia cấp*]

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày tháng năm nhận báo cáo (kể cả các lần bổ sung hồ sơ báo cáo) | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |
| Ngày tháng năm xử lý, phê duyệt báo cáo | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |

Phân ngành: Lựa chọn theo các phân ngành trong hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia http://dataenergy.vn

Tên cơ sở: ……………………………………………………………………………………

Mã số thuế: ……………………………………………………………………………………

Địa chỉ: ………………………………………………………………… [Tên Huyện ....] [Tên Tỉnh…..]

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo: ………………………………………………..

Điện thoại: …………………………… Fax: …………………., Email: ……………………….

Trực thuộc (tên công ty mẹ): ………………………………………………………………..

Địa chỉ: ……………………………………. [Tên Huyện ....]   [Tên Tỉnh…….]

Điện thoại: …………………….. Fax: ………………………., Email: …………………..

Chủ sở hữu: *(Nhà nước/thành phần kinh tế khác)*

Cơ sở đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng chưa?

□: Chưa áp dụng

□: Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng

□: Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng theo TCVN: ISO 50001

**I. Thông tin về cơ sở hạ tầng và hoạt động**

**1.1. Năng lực của cơ sở**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại phương tiện** | **Số lượng**(chiếc) | **Loại nhiên liệu** | **Năng lực vận chuyển/năm** | |
| *H. khách x km* | *Tấn x km* |
| Xe taxi |  |  |  |  |
| Xe buýt |  |  |  |  |
| Xe ô tô khách (trừ xe taxi và xe buýt) |  |  |  |  |
| Xe ô tô tải các loại |  |  |  |  |
| Tàu hỏa |  |  |  |  |
| Tàu biển |  |  |  |  |
| Phương tiện thủy nội địa |  |  |  |  |
| Tàu bay |  |  |  |  |
| Phương tiện khác |  |  |  |  |

**1.2 Kết quả đạt được về mục tiêu tiết kiệm, sử dụng hiệu quả năng lượng trong năm [Năm N-1]:**

Các giải pháp và kết quả đạt được (Đối chiếu với kế hoạch đã đăng ký ở mục 2.3 trong Kế hoạch năm N-1 về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và ghi thêm các giải pháp bổ sung, nếu có)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp TKNL đã áp dụng** | **Loại nhiên liệu** | **Giải pháp tiết kiệm năng lượng đối với hệ thống (2)** | **Mô tả giải pháp** | **Kết quả đạt được** | **Chi phí (Triệu đồng)** | **Ghi chú** |
| ……  ……  …… |  |  |  | Mức tiết kiệm NL …….(Đơn vị đo)  Mức tiết kiệm NL ……. (%)(1)  Tiết kiệm chi phí …….. (Tr. đồng)  Lợi ích khác  (là gì?) |  |  |

(1) So với mục đích sử dụng (ví dụ chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, phụ tải cho thiết bị chuyển động, v.v...), không so với tổng năng lượng sử dụng.

(2) Điền mã hệ thống bằng cách lựa chọn theo danh mục mã hệ thống.

**II. Kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm [năm N]**

**2.1 Dự kiến chỉ tiêu hoạt động**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại phương tiện** | **Số lượng**(chiếc) | **Loại nhiên liệu** | **Năng lực vận chuyển/năm** | |
| *H. khách x km* | *Tấn x km* |
| Xe taxi |  |  |  |  |
| Xe buýt |  |  |  |  |
| Xe ô tô khách (trừ xe taxi và xe buýt) |  |  |  |  |
| Xe ô tô tải các loại |  |  |  |  |
| Tàu hỏa |  |  |  |  |
| Tàu biển |  |  |  |  |
| Phương tiện thủy nội địa |  |  |  |  |
| Tàu bay |  |  |  |  |
| Phương tiện khác |  |  |  |  |

**2.2 Dự kiến mức sử dụng năng lượng**

*2.2.1. Tiêu thụ nhiên liệu*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại năng lượng** | **Đơn vị tính (\*)** | **Lượng tiêu thụ dự kiến** | **Ghi chú** |
| 1 | Dầu DO | 1.000 Lít (tấn) |  |  |
| 2 | Dầu FO | 1.000 Lít (tấn) |  |  |
| 3 | LPG | Tấn |  |  |
| 4 | Khí tự nhiên (Natural Gas) | Tấn |  |  |
| 5 | Xăng | Tấn |  |  |
| 6 | Nhiên liệu phản lực (Jet Fuel) | Tấn |  |  |
| 7 | Năng lượng khác (2\*) | (ghi rõ đơn vị tính) |  |  |

Ghi chú:

(\*): Lựa chọn loại đơn vị cho phù hợp trên hệ thống http://dataenergy.vn;

(2\*): Với năng lượng khác cần ghi rõ loại năng lượng và cung cấp nhiệt trị của năng lượng.

*2.2.2. Tiêu thụ điện*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| I. Điện năng mua từ lưới: | Công suất đăng ký ………………kW | Điện năng………………… 106 kWh/năm |
| II. Điện tự sản xuất (nếu có): | Công suất lắp đặt: ………………kW | Điện năng sản xuất: …………106kWh/năm |
| 1. Biomass |  |  |
| 2. Biogas |  |  |
| 3. Điện gió |  |  |
| 4. Điện mặt trời |  |  |
| III. Điện bán ra (nếu có) | Công suất bán ra: ………….kW | Sản lượng điện bán ra: ……………………106kWh/năm |

**2.3. Kế hoạch và mục tiêu tiết kiệm, sử dụng hiệu quả năng lượng năm [năm N]:**

**Các giải pháp và dự kiến kết quả** *(Đối chiếu với kế hoạch 5 năm đã đăng ký và các giải pháp bổ sung, nếu có, trong năm kế hoạch)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp TKNL đã áp dụng** | **Loại nhiên liệu** | **Giải pháp tiết kiệm năng lượng đối với hệ thống (2)** | **Mô tả giải pháp** | **Kết quả đạt được** | **Chi phí (Triệu đồng)** | **Ghi chú** |
| ……  ……  …… |  |  |  | Mức tiết kiệm NL   (Đơn vị đo)  Mức tiết kiệm NL   (%)(1)  Tiết kiệm chi phí   (Tr. đồng)  Lợi ích khác  (là gì?) |  |  |

(1)So với mục đích sử dụng (ví dụ chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, phụ tải cho thiết bị chuyển động, v.v...), không so với tổng năng lượng sử dụng.

(2) Điền mã hệ thống bằng cách lựa chọn theo danh mục mã hệ thống.

***Cam kết***

Được sự ủy quyền của Giám đốc Công ty [Tên Công ty] về việc dự thảo và báo cáo kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm [năm N] của [Tên Công ty hoặc Chi nhánh/Nhà máy trực thuộc được báo cáo trong kế hoạch], tôi cam kết đã kiểm tra kỹ các dữ liệu trong báo cáo, đảm bảo các dữ liệu là chính xác theo hiểu biết của bản thân tôi và xin chịu trách nhiệm về các dữ liệu đã báo cáo.

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày báo cáo […../…./….]* **Người lập kế hoạch** | **Người đứng đầu cơ sở duyệt** |